

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

QUAN HÔN TANG LỄ

Ấn bản năm Bính Thìn (1976).
In tại BẠCH VÂN Ấn Quán -
Cơ Quan Phát Thanh nội ô TÒA THÁNH Tây Ninh.
Hội Thánh Giữ Bản Quyền.

QUAN HÔN TANG LỄ

Ấn bản năm Bính Thìn (1976).

In tại BẠCH VÂN Ấn Quán -

Cơ Quan Phát Thanh nội ô TÒA THÁNH Tây Ninh.

Hội Thánh Giữ Bản Quyền.

Quan

- Quan Hôn Lễ
 - Lễ Đăng Quan hoặc Tấn Phong
-

Quan Hôn Lễ

Ngày xưa, ở bên nước Tàu (Trung Hoa) con trai đến 18 tuổi làm Lễ Đội Mũ gọi là Lễ Gia Quan; con gái đến 16 tuổi làm Lễ Cài Trâm gọi là Lễ Cập Kê. Ta cũng theo phong tục nước Tàu, nên có câu ca dao:

Trai thời 18 Gia Quan,
Gái thời 16 hiệp đăng Cập Kê.

Tuổi đến thời cho con trai đội mũ, con gái cài trâm là tuổi trai gái đã trưởng thành, đủ sinh lực, cha mẹ có thể định lứa đôi được. Trai gái đến tuổi ấy, ta thường gọi là tuổi dậy thì.

Người Tàu, người Việt hay có cái lệ dựng vợ, gã chồng cho con sớm, gọi là tảo hôn. Điều này có hại cho sức khỏe trai và gái. Nếu có sanh con sớm, thì con cũng không được cường tráng. Lệ tảo hôn ngày nay đã giảm bớt nhiều rồi, vì điều kiện sanh sống trong xã hội, nên định con trai 19 tuổi lấy vợ, con gái 18 tuổi lấy chồng.

Khi hành lễ Gia Quan Cập Kê, gia trưởng có mời thân tộc, họ hàng đến mừng con cháu đã trưởng thành. Ai cũng có một lời dạy con trai, con gái đã lớn khôn rồi, phải biết giữ phận làm người. Trai có phận trai, gái có phận gái, đừng làm điều chi cha mẹ phải buồn lòng, tông môn phải nhục nhã.

Ở nước ta hiện giờ, không còn ai làm lễ Gia Quan Cập Kê cho con nữa. Tục lệ cũ đã bỏ.

Nên nhớ, Lễ Gia Quan đây không phải là Lễ Gia Quan Tấn Tước. Lễ Gia Quan Tấn Tước là lễ của hàng Quan Lại, mừng được thăng phẩm tước, được lên chức.

Lễ Đăng Quan hoặc Tán Phong

Nếu có trường hợp này, Hội Thánh sẽ tổ chức chứ không áp dụng thường xuyên.

Hôn

- Hôn nhon
 - Hôn lễ
 - Đồng tánh bát hôn
 - Trường Tộc
 - Trình Bát Nhựt
 - Sau Lễ Cưới ba ngày
 - Hành pháp Hôn Phối
 - Lễ Hỏi
 - Lễ Cưới
-

Hôn nhon

Trai lớn lên cưới vợ, gái lớn lên lấy chồng là lẽ đương nhiên. Việc hôn nhon là việc tối trọng trong đời người. Tìm đâu có hạnh phúc? Hạnh phúc ở trong việc hôn nhon. Thật vậy, không có gì vui thích cho bằng trong gia đình được vợ chồng hòa thuận, đầm ấm, thành thật yêu đương nồng hậu. Vợ biết tùy theo ý muốn của chồng, chồng biết thương vợ, không làm phật ý vợ, ăn ở với nhau lâu ngày, càng sâu ngãi biển, càng dài tình sông.

Cha mẹ dựng vợ gã chồng cho con, không ngoài ý muốn đem hạnh phúc cho con. Cha mẹ nào có con cũng mong ước: "Gái thì đẹp phận mây xanh, bền duyên tơ tóc; trai thì nên nghĩa đá vàng, keo sơn gắn chặt".

Việc kết nghĩa Sui Gia, kén dâu kén rể phải thật trọng, lọc lừa cho kỹ, nhớ câu: "Rau nào sâu nấy". Dâu thì nên chọn con nhà có đức hạnh, nhân từ, không có tiếng tăm gì đồn đãi; rể thì kiếm con nhà gia giáo, siêng năng cần mẫn việc làm.

Tuy nói cha mẹ kén dâu, kén rể nhưng phải có sự ưng thuận của con. Cha mẹ nên nghĩ việc hôn nhon của con là cả cuộc đời của chúng, để cho con có quyền lựa

chọn bạn trăm năm, không nên ép ổng trong việc cưới gã, sau rồi phải ân hận.

Hôn lễ

Theo xưa, có sáu (6) lễ phân ra như vầy:

1. Lễ Nạp Thái: Là lễ cha mẹ đi coi dâu và dắt con đi coi vợ.
2. Lễ Vấn Danh: Là lễ hỏi cho biết tên họ, và tuổi tác cô gái coi có trùng tên cha mẹ, ông bà bên chồng chăng?
3. Lễ Nạp Kiết: Là lễ trình bày tuổi tác và vận mạng tốt, được tương sanh.
4. Lễ Nạp Trưng: Là lễ đem hàng lụa, tiền bạc, phẩm vật đến nhà gái để làm tang chứng, sự hứa hôn chắc chắn. Theo ta là Lễ Hỏi, hay là Lễ Sính.
5. Lễ Thỉnh Kỳ: Là lễ nói ngày làm Lễ Cưới cho đàng gái hay.
6. Lễ Thân Nghinh: Tức là Lễ Cưới.

Đó là tục lệ của người Tàu, người mình không mấy ai làm theo.

Hôn lễ theo người Việt Nam, hiện giờ còn giữ hai lễ là: Lễ Hỏi và Lễ Cưới mà thôi.

Đồng táng bất hôn

Theo lễ đời nhà Châu, người cùng một họ không được kết làm vợ chồng. Người Việt Nam xưa nay cũng từng theo lễ ấy. Đó là nói về bà con, chí như cùng một họ, mà không bà con, thì việc hôn nhưn đồng táng không có tổn hại nhưn luân.

Trưởng Tộc

Sui trai hay sui gái, bên nào cũng chọn một người trong thân tộc trọng tuổi, còn đủ vợ chồng làm người Trưởng Tộc. Có Trưởng Tộc nam phái tức có Trưởng Tộc nữ phái. Như trong thân tộc không có người, chọn người ngoài cũng được, nhưng phải có đủ điều kiện là trọng tuổi, vợ chồng còn đủ, người có tư cách.

Trưởng Tộc cũng như là người hướng dẫn, hay là Trưởng Phái đoàn của mỗi bên trong Lễ Hối, Lễ Cưới. Giữa hai Họ, có điều chi chưa thỏa thuận, thì nhờ Trưởng Tộc hai bên giải quyết.

Trình Bát Nhựt

Tám (8) ngày trước Lễ Cưới, theo công lệ, đàng gái phải biên tên họ hai đàng sui gia chàng rể và nàng dâu trình cho nhà chức trách địa phương, gọi là trình bát nhựt. Nhà chức trách dán BỐ cáo tại trụ sở. Sự trình khai như vậy để đề phòng có ai ngăn cản gì không, và chứng tỏ cuộc Hôn Lễ là chánh thức hợp lệ.

Theo Thế Luật Đạo, tám (8) ngày trước Lễ Sính, chủ hôn trai phải dán BỐ cáo nơi Thánh Thất sở tại, cho trong Bồn Đạo hay, sau khỏi điều trắc trở.

Sau Lễ Cưới ba ngày

Lệ (3) ngày sau Lễ Cưới, cặp vợ chồng trở về bên nhà gái, tục gọi là Lễ Phản Bái.

Hành pháp Hôn Phối

Lễ Hôn Phối cử hành tại Đền Thánh hay Thánh Thất.

Tân Luật, Chương Thế Luật, Điều thứ sáu: "Việc Hôn là việc rất trọng đời người. Phải chọn Hôn trong

người đồng Đạo, trừ ra khi nào người ngoại ượng thuận nhập môn thì mới được kết làm giai ngẫu".

Lễ Hỏi

Phẩm lễ trong Lễ Hỏi, cần nhứt giàu cũng như nghèo là: một (1) đôi bông tai, một (1) mâm trầu, hai (2) chai rượu, một (1) đôi đèn. Trà bánh là phụ thuộc. Đôi bông tai ví như cái Hoa con gái.

Đến ngày đã định, bên nhà trai sang qua nhà gái, có bà con thân thuộc và ông mai, nhà trai mang theo đủ phẩm vật nhà gái đòi hỏi.

Đến nhà gái, khi quan khách an tọa xong, đoạn ông mai hướng dẫn ông sui trai trình giữa hai Họ, lễ Sính đặt trước khai trầu rượu bên gái đã sẵn sẵn. Lễ phẩm như: Bông tai, nữ trang, và tiền bạc cũng phải mở ra cho hai Họ trông thấy. Trình phái nam rồi, ông sui gái đem trình phái nữ. Bà sui gái nhận nữ trang đem cho con gái, rồi dắt con gái ra chào Họ bên chồng.

Sau phần kính lễ Đức Chí Tôn và Hội Thánh, hoặc người tuổi tác, ông sui gái lên đèn cho chàng rể làm lễ Từ Đường. Sau lễ Từ Đường, là chàng rể ra mắt họ hàng bên gái.

Lễ bái: Ông bà, cha mẹ, ông mai, và thân tộc.

Lễ Hỏi đến đây chấm dứt.

Lễ Cưới

Nhà trai định ngày làm Lễ Cưới, nhờ ông mai báo tin cho nhà gái hay. Nhà gái bằng lòng ngày giờ đã định thì thôi, trái lại, nhà trai phải chọn ngày khác.

Khi hai đàng đã thỏa thuận ngày cưới, thì ông sui trai cùng ông mai qua nhà gái trình một hồng thiệp có biên đầy đủ chi tiết ngày giờ rước dâu và đưa dâu.

Ngày cưới, họ hàng bên trai qua nhà bên gái mang đủ lễ vật bên gái đòi hỏi (cũng như lúc Lễ Hỏi). Đàng trai trình Lễ Cưới theo thủ tục. Sau phần kính lễ Đức Chí Tôn và Hội Thánh, chủ hôn nữ lo việc lên đèn, gọi con gái ra đứng cùng chàng rể lập song, cùng nhau làm lễ Từ Đường, kế tiếp làm lễ ra mắt họ hàng (dùng trà).

Ông sui trai ra lễ rước dâu, và thỉnh họ đưa dâu cùng một lúc.

Đoàn rước dâu đi ngay đến Đền Thánh, hay là Thánh Thất, để làm lễ Hôn Phối, kế đến Điện Thờ Phật Mẫu cầu nguyện bái lễ, rồi trực chỉ về nhà.

Đến nhà bên trai, Bàn Tri Sự sở tại, sui gia cầu nguyện Đức Chí Tôn, rồi đến cặp Tân Hôn bái lễ Đức Chí Tôn, kính lễ Hội Thánh và chánh quyền. Kế tiếp, bên trai lên đèn làm lễ Từ Đường, kế đến làm lễ ông bà (còn sống), cha mẹ, ông mai nếu có và người thân tộc.

Đàng trai mở tiệc khoản đãi. Mãn tiệc, họ đàng gái ra Lễ Cáo Từ, ông bà sui trai và cặp Tân Hôn ra cửa đưa họ.

Lễ Cưới đã thành.

Tang Lễ

- Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong: Giáo Tông, Hộ Pháp, Phật Tử, Chương Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh.
 - Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong: Đầu Sư, Tiên Tử, Thập Nhị Thờ Quân.
 - Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong: Chánh Phối Sư và Phối Sư, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chương Ấn, Thánh Nhơn, Hiền Nhơn, Tiếp Lễ Nhạc Quân, Thập Nhị Bảo Quân.
 - Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong: Giáo Sư, Cải Trang, Giám Đạo, Chơn Nhơn, Đạo Nhơn, Nhạc Sư, Đốc Nhạc, Đề Nhạc, Hộ Đàn Pháp Quân, Tả, Hữu Phan Quân.
 - Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong: Giáo Hữu, Chí Thiện, Thừa Sứ, Truyền Trang, Lãnh Nhạc, Quán Nhạc, Đội Nhạc, Tổng Giám.
 - Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong: Lễ Sanh, Giáo Thiện, Sĩ Tái, Cai Nhạc, Bếp Nhạc, Phó Tổng Giám, Hiền Tài.
 - Tang lễ của Chức Việc và Đạo Hữu.
 - Tang lễ của chư Đạo Hữu Nam Nữ giữ Lục Trai.
 - Tang lễ của chư Đạo Hữu sa ngã, và những người Ngoại Đạo muốn Cầu Siêu theo Lễ Đạo.
 - Chú giải: Tang lễ Chức Sắc Thiên Phong & Chức Việc & Đạo Hữu qui liễu trong những ngày đã đưa Chư Thánh. Lễ Bái Chí Tôn, Thần, Thánh, Tiên, Phật và Vong Phạm. Bái Liên Đài, Lễ Kỷ Niệm các vị Đại Thiên Phong.
-

Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong

- Phẩm:**
1. Giáo Tông
 2. Hộ Pháp
 3. Phật Tử
 4. Chưởng Pháp
 5. Thượng Phẩm
 6. Thượng Sanh

- Nghi tiết hành lễ
- Di Liên Đài vào Báo Ân Từ
- Liên Đài an vị tại Báo Ân Từ
- Di Liên Đài đến Đền Thánh
- Di Liên Đài ra Cửu Trùng Thiên
- Lễ di Liên Đài nhập Bửu Tháp

Sơ Giải: - Hành lễ theo Tiên Vị. Thi thể được liệm vào Liên Đài (hình bát giác), kỵ Long Mã (bông). Liên Đài được quàn tại Biệt Điện của mỗi vị một đêm, Báo Ân Từ một đêm, Đền Thánh một đêm, và Cửu Trùng Thiên một đêm. Khi hành lễ xong, di Liên Đài nhập Bửu Tháp.

Tại Đền Thánh, Đền Thờ Đức Phật Mẫu, các Thánh Thát, Điện Thờ Phật Mẫu, các dinh thự, các tư gia của toàn đạo, đều treo cờ rừ từ bữa vào lễ cho đến ngày Liên Đài nhập Bửu Tháp. Miễn coi ngày giờ.

Hội Thánh sẽ hành lễ Tiểu Tường, Đại Tường, kỷ niệm hàng năm và xây Bửu Tháp. Không có làm Tuần Cửu và hành pháp độ thăng. Mỗi vị có bài thài riêng.

A. Nghi tiết hành lễ

1) Hấp hối: Tụng bài kinh Cầu Hồn (Rắp nhập cảnh)

2) Tắt hơi: Tụng bài "Kinh khi đã chết rồi" (Ba mươi sáu cõi)

Có Chức Sắc Đại Thiên Phong chứng lễ.

Khi chơn hồn rời khỏi xác (qui thiên), tại Đền Thánh đồ sáu (6) hồi chuông, trống cho phẩm Giáo Tông, Hộ Pháp, Phật Tử; còn phẩm Chương Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh thì đồ năm (5) hồi.

3) Thượng sớ Tân cổ: Lễ Viện dâng sớ tại Đền Thánh.

4) Tại Biệt Điện: Vọng một (1) bàn linh có bửu ảnh, dàn bát bửu, 2 tầng, 2 lọng. Có Chức Sắc cơ quan luân phiên hầu.

5) Nhập mạch: Sau 24 giờ qui thiên (thi thể ngồi kiết già) được Đại liệm vào Liên Đài, tụng bài "Kinh Tân Liệm" (Dây oan nghiệt)

6) Thành phục: Lễ Viện hành lễ Phát tang, lễ Cáo tửu Tổ, có Lễ Nhạc.

7) Hành lễ tế điện: Tang quyền chánh tế.

Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lặc Chơn Kinh.

Ban ngày hành lễ Triều Tịch, đêm có nhạc hòa tấu.

B) Di Liên Đài vào Báo Ân Từ

1. Đạo Kỳ
2. Bảng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
3. Phướn Thượng Phẩm
4. Long Mã múa
5. Dàn Bắc
6. Đồng nhi hầu Nam tả, Nữ hữu.
7. Dàn Bát Bửu, Bàn Hương án có Bửu Ảnh, 2 tầng, 2 lọng, 2 Lễ Sĩ hầu.
8. Tràng hoa, vãng lụy và bàn đưa

9. Liên Đài kỵ Long Mã bông, có 2 vị Chức Sắc cao cấp của cơ quan hầu, đạo tỳ đi hai bên.
10. Dàn Nam
11. Tang quyền và thân bằng cố hữu
12. Chức Sắc Đại Thiên Phong, Chức Việc và toàn Đạo nam nữ.

Liên Đài đến Báo Ân Từ có đồ 6 hồi, hoặc 5 hồi chuông tùy theo phẩm vị khi rước cũng như đưa.

C) Liên Đài an vị tại Báo Ân Từ

(Nghỉ lễ chưng dọn y như ở Biệt Điện)

Hành lễ tế điện:

- Hội Thánh chánh tế. Thân quyền và thân bằng cố hữu phụ tế.
- **Nghi châm chước:** Lễ tế điện dâng Tam Bửu, Lễ Sĩ mặc y phục màu phái Thượng (xanh da trời), chơn đi chữ Tâm, Đồng nhi đọc Ai chúc.
- Hội Thánh và các Cơ quan Đạo đọc bài "Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu đã qui liễu" (Khi dương thế)
- Tang quyền (tùy trong gia đình qui cúng mà đọc Ai chúc).

Cầu siêu:

- Tụng bài kinh (Đầu vọng bái) và bài (Ba mươi sáu cõi), tụng mỗi bài 3 lần, niệm câu chú Chí Tôn 3 lần.

Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lặc Chơn Kinh.

Ban ngày hành lễ Triều Tịch, đêm có Nhạc hoà tấu.

D) Di Liên Đài đến Đền Thánh

- Nghi lễ rước sắp đặt trật tự y như lễ Di Liên Đài vào Báo Ân Từ, chuông trống rước cũng như khi đưa, tùy phẩm cấp.
- Liên Đài của Giáo Tông, Phật Tử, Chưởng Pháp để trước 7 cái Ngai (để chính giữa).
- Liên Đài của Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh để nơi Hiệp Thiên Đài, cũng chính giữa (nghi lễ chưng dọn y như ở Báo Ân Từ).
- Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi Nam Nữ tụng Di Lạc Chơn Kinh.
- Dẫn văn tuyên dương công trạng của vị Triều Thiên.
- Hội Thánh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, bái lễ.

E) Di Liên Đài ra Cửa Trùng Thiên (Đại Đồng Xã)

- Nghi lễ rước sắp đặt trật tự y như lễ rước Liên Đài đến Đền Thánh.
- Liên Đài an vị trên Cửa Trùng Thiên, nghi lễ chưng dọn y như ở Đền Thánh, có 8 vị Chức Sắc Nam Phái của cơ quan đứng hầu 8 góc Cửa Trùng Thiên.
- Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ tụng Di Lạc Chơn Kinh. Ban đêm có Nhạc hòa tấu.
- **Hành lễ tế điện:** Hội Thánh và các cơ quan Đạo, tang quyền và thân bằng cố hữu tế lễ.
- **Đại Lễ dâng Tam Bửu:** Ba nghi, Lễ Sĩ ba (3) phái hiến lễ. Lễ Sĩ phái Ngọc điện đến Lễ Sĩ phái Thượng, Lễ Sĩ phái Thượng điện đến Lễ Sĩ phái Thái, Lễ Sĩ phái Thái điện đến bàn linh (Liên Đài).

- Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lạc Chơn Kinh, ban đêm có nhạc hòa tấu.

F) Lễ di Liên Đài nhập Bửu Tháp

- Hành lễ chiêm chước, Hội Thánh, Chức Sắc, Chức Việc, toàn Đạo nam nữ, thân bằng cố hữu và tang quyến vào bái lễ.
- Di Liên Đài qua ngang mình Long Mã múa, rồi để lên lưng Long Mã bông đưa đến Bửu Tháp.
- Khi khởi hành, trong Đền Thánh có đồ chuông trống tùy theo phẩm cấp.
 1. Đạo Kỳ.
 2. Bảng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
 3. Phướn Thượng Phẩm.
 4. Long Mã múa.
 5. Dàn Bắc.
 6. Đồng nhi nam nữ đọc kinh đưa linh.
 7. Dàn bát bửu, bàn hương án có bửu ảnh, 2 tầng, 2 lọng, 2 Lễ Sĩ hầu.
 8. Tràng hoa, văng, lụy và bàn đưa.
 9. Liên Đài kỵ Long Mã bông, có 2 vị Chức Sắc của cơ quan hầu; Đạo tỳ đi hai bên.
 10. Dàn Nam.
 11. Tang quyến và thân bằng cố hữu.
 12. Chức Sắc Đại Thiên Phong, Chức Việc và toàn Đạo nam nữ.
- Đến Bửu Tháp, Đại diện Hội Thánh và các cơ quan đọc Điều văn.
- Tang quyến đáp từ.
- Đưa Liên Đài nhập Bửu Tháp.
- Đồng nhi tụng kinh Hạ Huyệt và chú Vãng Sanh. Khi dứt, niệm câu chú của Thầy 3 lần.
- Giải tán

Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong

- Phẩm:**
1. **Đầu Sur**
 2. **Tiên Tử**
 3. **Thập Nhị Thời Quân**

- Nghi tiết hành lễ
- Di Liên Đài vào Báo Ân Từ
- Liên Đài an vị tại Báo Ân Từ
- Di Liên Đài đến Đền Thánh
- Di Liên Đài ra Cửu Trùng Thiên
- Lễ di Liên Đài nhập Bửu Tháp

Sơ Giải: Hành lễ theo Tiên Vị. Thi thể được liệm vào Liên Đài (hình bát giác), kỵ Long Mã (bông). Liên Đài được quàn tại Biệt Điện của mỗi vị một đêm, Báo Ân Từ một đêm, Đền Thánh một đêm, và Cửu Trùng Thiên một đêm. Khi hành lễ xong, di Liên Đài nhập Bửu Tháp.

Tại Đền Thánh, Đền Thờ Đức Phật Mẫu, các Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu, các Dinh thự, các tư gia của toàn Đạo hữu, đều treo cờ rũ từ bữa vào lễ cho đến ngày Liên Đài nhập Bửu Tháp. Miễn coi ngày giờ.

Hội Thánh sẽ hành lễ Tiểu Tường, Đại Tường, kỷ niệm hằng năm, và xây Bửu Tháp. Không có làm Tuần cửu và hành pháp độ thăng. Mỗi phẩm có bài thài riêng.

A) Nghi Tiết Hành Lễ

1) Hấp hối: Tụng bài Kinh Cầu Hồn (Rắp nhập cảnh)

2) Tắt hơi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi)

Có Chức Sắc Thiên Phong chứng lễ.

Khi Chơn hồn rời khỏi xác (qui thiên), tại Đền Thánh đổ năm (5) hồi trống chuông.

3) Thượng sớ Tân cổ: Lễ Viện dâng sớ tại Đền Thánh.

4) Tại Biệt Điện: Vọng một bàn linh có bửu ảnh, dàn bát bửu, 1 tàng, 2 lọng, có Chức Sắc của cơ quan luân phiên hầu.

5) Nhập mạch: Sau 24 giờ qui thiên (thi thể ngồi kiết già) được Đại liệt vào Liên Đài, tụng bài Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

6) Thành phục: Lễ Viện hành lễ phát tang, lễ Cáo Từ Tổ, có Lễ Nhạc.

7) Hành lễ tế điện: Tang quyền chánh tế.

8) Nghi lễ châm chước: Lễ Tế Điện dâng Tam Bửu, Lễ Sĩ mặc y phục màu phái Thượng (xanh da trời), chơn đi chữ Tâm, Đồng nghi thái (bài thái riêng) và tụng Ai chúc. Tùy trong tang quyền tế lễ mà đọc bài kinh(Lễ phẩm cúng tế tại Biệt Điện do tang quyền hoặc của thân bằng cố hữu).

Liên Đài quản tại Biệt Điện, có hành lễ Triều Tịch.

B) Di Liên Đài vào Báo Ân Từ

1. Đạo Kỳ.
2. Bảng Đại Đạo.
3. Phướn Thượng Phẩm.
4. Long Mã múa.
5. Dàn Bắc.
6. Đồng nghi Nam tả Nữ hữu.
7. Dàn Bát Bửu.
8. Bàn Hương án có Bửu ảnh, 1 tàng, 2 lọng, 2 Lễ Sĩ hầu.
9. Tràng hoa, vãng, lụy.
10. Liên Đài kỵ Long Mã (bông), có 2 vị Chức Sắc cao cấp của cơ quan hầu Liên Đài, Đạo Tỳ đi hai bên.

11. Dàn Nam.

12. Tang quyển, Thân bằng cố hữu và Quan khách.

13. Chức Sắc, Chức Việc và toàn Đạo nam nữ.

Liên Đài đến Báo Ân Từ, đồ năm (5) hồi chuông khi rước cũng như đưa.

C) Liên Đài an vị tại Báo Ân Từ

(Nghi lễ chưng dọn y như ở Biệt Điện)

Hành lễ tế điện:

- Hội Thánh chánh tế. Tang quyển và thân bằng cố hữu phụ tế.
- Nghi châm chước: Lễ tế điện dâng Tam Bửu, Lễ Sĩ mặc y phục màu Phái Thượng (xanh da trời), chơn đi chữ Tâm, Đồng nhi đọc Ai chúc.
- Hội Thánh và các cơ quan Đạo đọc bài Kinh (Khi dương thế)
- Tang quyển tùy trong tang gia qui cúng mà đọc ai chúc.

Cầu siêu:

- Tụng bài Kinh (Đầu vọng bái Tây Phương) và bài (Ba mươi sáu cõi) tụng mỗi bài 3 lần, niệm câu chú Chí Tôn 3 lần.

Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lặc Chơn Kinh.

Ban ngày hành lễ Triêu Tịch, đêm có Nhạc hòa tấu.

D) Di Liên Đài đến Đền Thánh

- Nghi lễ rước sắp đặt trật tự y như lễ Di Liên Đài vào Báo Ân Từ, trống chuông rước cũng như khi đưa.
- Liên Đài của Đầu Sư và Tiên Tử để trước 7 cái Ngai (để chính giữa).

- Liên Đài của Thập Nhị Thời Quân để nơi Hiệp Thiên Đài (cũng chính giữa), nghi lễ chưng dọn y như ở Báo Ân Từ.
- Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lạc Chơn Kinh.
- Diển văn tuyên dương công trạng của vị Triều Thiên.
- Hội Thánh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, bái lễ.

E) Di Liên Đài ra Cửa Trùng Thiên (Đại Đồng Xã)

- Nghi lễ rước sắp đặt trật tự y như lễ rước Liên Đài vào Đền Thánh.
- Liên Đài an vị trên Cửa Trùng Thiên, nghi lễ chưng dọn y như ở Đền Thánh, có 8 vị Chức Sắc của cơ quan đứng hầu 8 góc Cửa Trùng Thiên.
- Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu và Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lạc Chơn Kinh, ban đêm có Nhạc hòa tấu.
- **Hành lễ tế điện:** Hội Thánh, các cơ quan Đạo, tang quyến và thân bằng cố hữu tế lễ.
- **Đại lễ dâng Tam Bửu:** Ba nghi, Lễ Sĩ 3 phái hiến lễ, Lễ Sĩ phái Ngọc điện đến Lễ Sĩ phái Thượng, Lễ Sĩ phái Thượng điện đến Lễ Sĩ phái Thái, Lễ Sĩ phái Thái điện đến bàn linh (Liên Đài).

F) Lễ Di Liên Đài nhập Bửu Tháp

- **Hành lễ châm chước:** Hội Thánh, Chức Sắc, Chức Việc, toàn Đạo nam nữ, thân bằng cố hữu và tang quyến vào bái lễ.
- Di Liên Đài qua ngang mình Long Mã múa, rồi để lên lưng Long Mã (bông) đưa đến Bửu Tháp.

- Khi khởi hành, trong Đền Thánh có đồ năm (5) hồi trống chuông.
 1. Đạo Kỳ.
 2. Bảng Đại Đạo.
 3. Phướn Thượng Phẩm.
 4. Long Mã múa.
 5. Dàn Bắc.
 6. Đồng nhi Nam Nữ đọc Kinh Đưa Linh.
 7. Dàn Bát bửu, Bàn Hương án có Bửu ảnh, 1 tầng, 2 lọng, 2 Lễ Sĩ hầu.
 8. Tràng hoa, văng, lụy, và bàn đưa.
 9. Liên Đài kỵ Long Mã bông, có 2 vị Chức Sắc cao cấp của cơ quan hầu, Đạo Tỷ đi hai bên.
 10. Dàn Nam.
 11. Tang quyển, thân bằng cố hữu.
 12. Chức Sắc Đại Thiên Phong, Chức Việc và toàn Đạo Nam Nữ.
- **Đền Bửu Tháp:** Đại diện Hội Thánh và các cơ quan Đạo đọc Điều văn.
- Tang quyển đáp từ.
- Đưa Liên Đài nhập Bửu Tháp.
- Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệ và chú Vãng Sanh. Hễ dứt, niệm câu chú của Thầy 3 lần.
- Giải tán

Phụ chú:

Quý vị Đại Thiên Phong Giáo Tông, Hộ Pháp, Phật Tử, Chưởng Pháp, Thượng Phẩm, và Thượng Sanh, khi qui thiên hành lễ Đạo táng, thì Chức Sắc và toàn Đạo đồng thọ tang cho đến ngày mãn Lễ Đại Tường.

Đầu Sư, Tiên Tử và Thập Nhị Thời Quân khi hành lễ Đạo táng, thì Chức Sắc và toàn Đạo đồng thọ tang cho đến ngày Liên Đài nhập Bửu Tháp.

Tang lễ của Chức Sắc Đại Thiên Phong (Nam Nữ)

- Phẩm:**
1. Chánh Phối Sư và Phối Sư
 2. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn
 3. Chương Ấn
 4. Thánh Nhơn
 5. Hiền Nhơn
 6. Tiếp Lễ Nhạc Quân
 7. Thập Nhị Bảo Quân

- Nghi tiết hành lễ
- Di Linh Cữu vào Báo Ân Từ
- Lễ An Táng
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Tước phẩm này hành lễ theo Thánh Vị, chèo hầu, chèo đưa, làm tuần cữu, Tiểu Tường, Đại Tường, bài thái theo hàng Thánh Vị. Đặc biệt, Chánh Phối Sư mới có dàn Bát Bửu rước và đưa.

Hội Thánh xây Kim tinh và nắm mộ.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hối: Tụng bài Kinh Cầu Hồn (Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng

2. Tắt hơi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào

Tại Đền Thánh, đồ 4 hồi trống chuông.

3. Thượng sớ Tân cổ: Dâng sớ nơi Đền Thánh.

4. Nhập mạch: Tụng Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt

B) Di Linh Cứu vào Báo Ân Từ

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Phẩm.
3. Dàn Bắc.
4. Đồng nhi rước (không có đọc kinh).
5. Bàn Hương án 2 lọng, 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 Lễ Sĩ mặc áo Phái Ngọc hầu.
6. Thuyền Bát Nhã chở Linh Cứu.
7. Dàn Nam.
8. Tang gia.

Thành phục tại Báo Ân Từ:

Lễ Cáo Tiên Bối, nghi châm chước, Lễ Viện phát tang, lễ tế điện dâng Tam Bửu, Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc đi chữ Đinh. Tiếp theo là lễ tế dành cho các cơ quan Đạo, và thân bằng quyến thuộc.

Cầu siêu:

Tụng bài Kinh Cầu Siêu, tụng xen bài Kinh Khi Đã Chết Rồi, mỗi bài tụng ba lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.

Ban Tổng Trạo Thuyền Bát Nhã chèo hầu, ban ngày có làm lễ Triều Tịch, đêm có Nhạc hòa tấu, chư Chức Sắc phải tề tựu dự lễ và để chia buồn cùng tang quyến. Đồng nhi nam nữ luân phiên tụng Di Lạc Chơn Kinh.

C) Lễ An Táng

Tại Báo Ân Từ, hành lễ châm chước, khiển điện, di Linh cứu ra thuyền Bát Nhã đưa vào Đền Thánh do cửa Nghinh Phong Đài an vị (ngay chính giữa). Hành pháp độ thẳng, Đồng nhi tụng Kinh Cầu Siêu, Diển Văn tuyên dương công nghiệp, Hội Thánh vào bái lễ.

Di Linh cứu ra thuyền Bát Nhã, 2 vị Chức Sắc của cơ quan hầu.

D) Trật tự đưa đám

1. Bàng Đại Đạo.
 2. Phướn Thượng Phẩm.
 3. Dàn Bắc.
 4. Đồng nhi tụng bài Kinh Đưa Linh Cữu có đờn.
 5. Bàn Hương án 2 lọng, có 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 Lễ Sĩ phái Ngọc hầu.
 6. Bàn đưa, văng, lụy.
 7. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu, chèo đưa.
 8. Dàn Nam.
 9. Tang gia và thân bằng cố hữu.
 10. Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu nam nữ.
- Đến Cự Lạc: Đại diện các cơ quan đọc ai điều nếu có.
 - Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệ và tụng tiếp chú Vãng Sanh, khi dứt, niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán.

Phụ chú:

Nếu muốn để tại tư gia làm lễ Thành phục, phát tang, thì tang chủ phải xin phép Hội Thánh. Xong rồi, phải di Linh Cữu vào Báo Ân Từ cúng tế.

Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong (Nam Nữ)

- Phẩm:**
1. Giáo Sư
 2. Cải Trạng
 3. Giám Đạo
 4. Chơn Nhơn
 5. Đạo Nhơn
 6. Nhạc Sư
 7. Đốc Nhạc
 8. Đề Nhạc
 9. Hộ Đoàn Pháp Quân,
Tả, Hữu Phan Quân

- Nghi tiết hành lễ
- Di Linh Cử vào Báo Ân Từ
- Lễ An Táng
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Phẩm tước này được thọ Bửu pháp, hành lễ theo Thánh Vị, chèo hầu, chèo đưa, làm Tuần Cửu, Tiểu Tường, Đại Tường. Bài thài theo hàng Thánh Vị.

Hội Thánh xây Kim tinh và nắm mộ.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hoi: Tụng bài Kinh Cầu Hồn (Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng)

2. Tắt hoi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi)

3. Tại Đền Thánh: Đổ (3) hồi trống chuông.

4. Thượng số Tân cổ: Dâng số tại Đền Thánh.

5. Nhập mạch: Tụng Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

B) Di Linh Cữu vào Báo Ân Từ

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Phẩm.
3. Dàn Bấc.
4. Đồng nhi rước Linh cữu.
5. Bàn Hương án, 2 lọng, 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 vị Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.
6. Thuyền Bát Nhã chở Linh Cữu.
7. Tang gia và thân bằng cố hữu.

Thành phục:

Lễ cáo tiền bối, nghi châm chước, Lễ Viện phát tang, hành lễ tế điện, Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc, chơn đi chữ Đinh. Tiếp theo, lễ dành cho các cơ quan Đạo hay thân bằng quyến thuộc.

Cầu siêu:

Tụng bài Kinh Cầu Siêu, tụng xen Kinh Khi Đã Chết Rồi, mỗi bài tụng 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.

Lễ chèo hầu, Đồng nhi nam nữ tụng Di Lạc Chơn Kinh.

C) Lễ An Táng

Tại Báo Ân Từ: Hành lễ châm chước, khiêng điện, di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã, đưa vào Đền Thánh, do cửa Nghinh Phong Đài an vị (ngay chính giữa). Hành pháp độ thẳng, Đồng nhi tụng Kinh Cầu Siêu, Diển Văn tuyên dương công nghiệp, Hội Thánh vào bái lễ.

Di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã, 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 vị Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.

D) Trật tự đưa đám

1. Bàng Đại Đạo.
 2. Phướn Thượng Phẩm.
 3. Dàn Bắc.
 4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh, có đờn.
 5. Bàn Hương án 2 lọng, 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.
 6. Bàn đưa, vãng, lụy.
 7. Thuyền Bát Nhã chở Linh Cữu.
 8. Dàn Nam.
 9. Tang gia.
 10. Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu Nam Nữ.
- Đến Cự Lạc: Đại diện các cơ quan Đạo đọc ai điều (nếu có).
 - Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệ và tụng tiếp chú Vãng Sanh, khi dứt niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán

Phụ chú:

Nếu muốn để tại tư gia làm lễ thành phục, phát tang, thì tang chủ phải xin phép Hội Thánh. Xong rồi, di Linh Cữu vào Báo Ân Từ cúng tế.

Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong (Nam Nữ)

- Phẩm:**
1. Giáo Hữu
 2. Chí Thiện
 3. Thừa Sứ
 4. Truyền Trạng
 5. Lãnh Nhạc
 6. Quản Nhạc
 7. Đội Nhạc
 8. Tổng Giám

- Nghi tiết hành lễ
- Di Linh Cử vào Báo Ân Từ
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Phẩm tước này được thọ Bửu Pháp. Hành lễ theo Thánh vị, chèo hầu, chèo đưa, làm Tuần Cửu, Tiểu Tường, Đại Tường. Bài thài theo hàng Thánh vị.

Hội Thánh xây Kim tinh và nắm mộ.

A) Nghi tiết hành lễ

1. **Hấp hối:** Tụng bài Kinh Cầu Hồn (Rắp nhập cảnh)
2. **Tắt hơi:** Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi)
3. **Tại Đền Thánh:** Đồ hai (2) hồi chuông trống.
4. **Thượng sớ Tân cổ:** Dâng sớ tại Đền Thánh.
5. **Nhập mạch:** Tụng Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

B) Di Linh Cữu vào Báo Ân Từ

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Phẩm.
3. Dàn Bắc.
4. Đồng nghi theo hầu, không đọc kinh.
5. Bàn Hương án, 2 lọng, 2 vị Chúc Sắc của cơ quan và 2 Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.
6. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu.
7. Tang quyền.

Tại Báo Ân Từ:

Hành lễ cáo Tiền bối, nghi châm chước, thành phục, phát tang, hành lễ tế điện, Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc, chơn đi chữ Đinh.

Tang gia chánh tế, các cơ quan Đạo phụ tế.

Cầu siêu:

Tụng bài Kinh Cầu Siêu, tụng xen Kinh Khi Đã Chết Rồi. Mỗi bài tụng 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.

Lễ chào hầu xong, Đồng nghi tụng Di Lạc Chơn Kinh.

Ngày an táng:

Tại Báo Ân Từ, làm nghi châm chước, khiên điện, di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã, đưa vào Đền Thánh do cửa Nghinh Phong Đài an vị (ngay chính giữa). Hành lễ độ thẳng, Đồng nghi tụng Kinh Cầu Siêu. Diễn văn tuyên dương công nghiệp, Hội Thánh vào bái lễ. Di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã đưa đến Cực Lạc.

C) Trật tự đưa đám

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Phẩm.
3. Dàn Bắc.
4. Đồng nghi tụng Kinh Đưa Linh, có đờn.

5. Bàn Hương án 2 lọng, 2 vị Chức Sắc của cơ quan và 2 vị Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.
 6. Bàn đưa, vãng, lụy.
 7. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu.
 8. Dàn Nam.
 9. Tang gia.
 10. Chức Sắc, Chức Việc và Đạo hữu Nam Nữ.
- Đến Cực Lạc: Đại diện các cơ quan Đạo đọc Ai điều (nếu có).
 - Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệt và tụng tiếp chú Vãng Sanh 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán

Phụ chú:

Nếu tang gia muốn làm lễ thành phục phát tang tại gia, thì phải xin phép Hội Thánh. Xong rồi, phải di Linh cữu vào Báo Ân Từ cúng tế.

Tang lễ của Chức Sắc Thiên Phong (Nam Nữ)

- Phẩm:**
1. Lễ Sinh
 2. Giáo Thiện
 3. Sĩ Tả
 4. Cai Nhạc
 5. Bếp Nhạc
 6. Phó Tổng Giám
 7. Hiền Tài

- Nghi tiết hành lễ
- Di Linh Cữu vào Khách Đình
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Phẩm này được hành pháp xác, chèo hầu tại Khách Đình (không chèo đưa). Hành lễ tế điện theo Thần vị, làm Tuần Cữu, Tiểu Tường, Đại Tường. Bài thái theo hàng Thần.

Hội Thánh xây Kim tỉnh (không xây nấm), dựng một tấm mộ bia.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hối: Tụng bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (Rắp nhập cảnh)

2. Tắt hơi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi)

3. Tại Đền Thánh hay Thánh Thất: Đổ một (1) hòi trống chuông.

4. Thượng sớ Tân cổ: Dâng sớ tại Đền Thánh hoặc nơi Thánh Thất.

5. Nhập mạch: Tụng bài Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

B) Di Linh Cữu vào Khách Đình

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.
3. Dàn Nam.
4. Bàn Hương án, 1 lọng, có 2 Lễ Sĩ mặc áo màu xanh đậm phò vong.
5. Đồng nhi theo hầu, không đọc kinh.
6. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu.
7. Tang quyến.

Nơi Khách Đình:

Bái lễ Đức Chí Tôn, Cáo từ Tổ, thành phục, phát tang, hành lễ tế điện theo Thần vị.

Như có các cơ quan Đạo hoặc thân bằng cố hữu tế lễ thì làm nghi châm chước.

Cầu siêu:

Tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái), tụng xen bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi), mỗi bài tụng 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.

Lễ chào hầu xong, Đồng nhi tụng Di Lạc Chơn Kinh.

Ngày an táng:

Hành lễ châm chước, lễ Cáo từ Tổ, tụng Kinh Cầu Siêu, một vị Chức Sắc làm phép xác, khiển điện, di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã đi đến Báo Ân Từ, thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu (có đồ một hồi chuông), đến Đền Thánh, cũng thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn (cũng có đồ một hồi trống và chuông), trở ra đưa đến Cực Lạc an táng.

C) Trật tự đưa đám

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.

3. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh, có đờn.
 4. Bàn Hương án, 1 lọng, 2 vị Lễ Sĩ hầu.
 5. Vãng, lỵ.
 6. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu.
 7. Dàn Nam.
 8. Tang gia.
 9. Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu nam nữ.
- Tại Cực Lạc: Đại diện các cơ quan Đạo đọc Ai điếu (nếu có).
 - Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệt, và chú Vãng Sanh 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán

Phụ chú:

Trường hợp tang chủ muốn để nơi tư gia hành lễ, thì phải xin phép Hội Thánh.

Vị Chức Sắc qui liễu hành lễ tại tư gia, khi tụng Di Lạc Chơn Kinh, linh vị của Chức Sắc được để ngang chỗ vị Chức Việc chứng lễ, Nam tả, Nữ hữu.

Chư vị Hiền Tài thật sự hiến thân phé Đòi hành Đạo, có lãnh phận sự do Hội Thánh bổ dụng, khi qui vị mới được đài thọ về phần cấp táng. Vị nào còn lo việc Đòi, không hiến thân hành Đạo, thì phần tổn phí về cuộc tổng chung, do gia đình người qui vị đài thọ.

Ngoài ra, vị Hiền Tài nào có ăn chay mỗi tháng 10 ngày, do Tờ Chứng Nhận của Bàn Tri Sự nơi đương sự cư ngụ, thì khi qui vị mới được Hội Thánh cho hành lễ theo hàng phẩm Lễ Sanh, còn vị Hiền Tài nào không có ăn chay, hoặc ăn chay dưới 10 ngày mỗi tháng, thì khi qui vị chỉ hành lễ Bạt tiến mà thôi.

Tang lễ của Chức Việc và Đạo Hữu (Nam Nữ)

- Phẩm:**
1. Chánh Trị Sự
 2. Phó Trị Sự
 3. Thông Sự
 4. Luật Sự
 5. Hành Thiện
 6. Thính Thiện
 7. Tân Dân
 8. Minh Đức
 9. Giáo Nhi
 10. Nhạc Sĩ
 11. Lễ Sĩ
 12. Đầu Phòng Văn Khoa Mục
 13. Thơ Ký
 14. Tá Lý
 15. Đạo Sở và Đạo Hữu

- Nghi tiết hành lễ
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Chức vị trên đây, nếu giữ trường trai hoặc thập trai, thì được làm phép xác, hành lễ tế điện theo nghi cúng vong thường, và được làm Tuần cửu, Tiểu Tường, Đại Tường. Bài thài theo hàng vong thường.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hối: Tụng bài Kinh Hấp Hối (Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng

2. Tắt hơi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi

3. Tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất: Động chuông cảnh cáo, Nam 7 tiếng, Nữ 9 tiếng.

4. Thượng sớ Tân cổ: Dâng sớ nơi Đền Thánh hoặc Thánh Thất hay tư gia cũng được.

5. Nhập mạch: Tụng bài Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

Thân nhọn muốn đem Linh cứu vào Khách Đình hay để nơi tư gia tùy ý. (Nếu muốn đem vô Khách Đình thì phải xin phép Hội Thánh).

6. Thành phục: Thì phải hành lễ Đức Chí Tôn, Cáo Từ Tổ, Tế Điện, đọc Ai chúc (Vợ tế chồng, hay con tế cha ... v...v....). Nếu có thân bằng cố hữu tế lễ, thì làm nghi châm chước. (1)

7. Cầu siêu: Tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái Tây phương) tụng xen bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào), tụng mỗi bài 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần. Kế tiếp tụng Di Lạc Chơn Kinh.

8. Lễ an táng: Hành lễ châm chước, Cầu siêu tụng kinh như trên, một vị Chức Sắc hành pháp xác, lễ khiển điện, di Linh cứu ra thuyền Bát Nhã, đưa đi đến Báo Ân Từ, thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu (đổ 1 hồi chuông). Đến Đền Thánh, cung thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn (cũng có đổ 1 hồi chuông), trở ra đưa đi an táng nơi Nghĩa địa.

B) Trật tự đưa đám

1. Bểng Đại Đạo.
 2. Phướn Thượng Sanh.
 3. Bàn vong, theo sau là bàn đưa.
 4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh có đờn.
 5. Thuyền Bát Nhã chở Linh cứu.
 6. Tang quyến.
 7. Chức Sắc, Chức Việc, Đạo hữu nam nữ.
- Tại Nghĩa địa: Đọc Ai điều (nếu có).

- Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệ̣t và chú Vãng Sanh 3 lần. Khi dứt niệm chú Chí Tôn 3 lần.
- Giải tán

Phụ chú:

Thành phục: Khi cáo Tụ̀ tổ có mâm Tang phục đặt phía trước bàn thờ. Hành lễ xong di mâm Tang phục đến trước Bàn Vong, những người thọ tang quì trước Bàn Vong cầu nguyện. Vị Chức Sắc hoặc Chức Việc hữu trách mặc sắc phục phát tang cho Tang quyến.

Chánh tế: Đọc Ai chúc (Vợ tế chồng, con tế cha)

Phụ tế: Nếu có thân bằng cố hữu tế lễ thì làm nghi châm chước.

Tang lễ của chư Đạo Hữu Nam Nữ giữ Lục Trai

- Nghi tiết hành lễ
- Trật tự đưa đám

Sơ Giải: Những vị này không được làm phép xác, Cầu siêu thì tụng bài Kinh (Đầu vọng bái) và tụng Di Lạc Chơn Kinh mà thôi. Hành lễ Tế điện theo nghi cúng vong thường; không có làm Tuần Cửu, Tiểu Tường và Đại Tường (theo Tân Kinh).

Khi tới ngày Tuần Cửu, Tiểu, Đại Tường thì thân nhơn người qui liễu đến Thánh Thất sở tại xin hành lễ Cầu Siêu.

Cầu Siêu thì chỉ tụng bài Kinh "Đầu vọng bái " và tụng "Di Lạc Chơn Kinh" mà thôi. Còn như làm lễ tại tư gia, thì cũng tụng hai bài kinh trên đây. Tụng nhiều chùng nào, tốt chùng nấy.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hối: Tụng bài Kinh Khi Hấp Hối (Rắp nhập cảnh)

2. Tắt hơi: Tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi)

3. Thượng số Tân cổ: Tại tư gia hoặc Thánh Thất.

4. Tẩn liệm: Tụng bài Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

5. Thành phục: Nếu ở nơi tư gia, thì hành lễ Đức Chí Tôn, Cáo Từ Tổ, phát tang. Còn đem vào Khách Đình thì cũng hành lễ Đức Chí Tôn.

Hành lễ Tế điện, nghi cúng vong thường. Nếu có thân bằng cố hữu tế lễ thì làm nghi chằm chước.

6. Cầu siêu: Tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái) tụng 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần. Tiếp tụng Di Lạc Chơn Kinh.

7. Lễ an táng: Hành lễ châm chước, tụng Kinh Cầu Siêu, khiển điện, di Linh cữu ra thuyền Bát Nhã, đi đến Báo Ân Từ thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu, đến Đền Thánh cũng thỉnh Linh vị bái lễ Đức Chí Tôn, trở ra đi an táng.

B) Trật tự đưa đám

1. Bểng Đại Đạo.
 2. Phướn Thượng Sanh.
 3. Bàn vong.
 4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh, có đờn.
 5. Thuyền Bát Nhã chở Linh cữu.
 6. Tang quyến.
 7. Chức Việp, Đạo hữu Nam Nữ.
- Tại Nghĩa Địa: Nếu có ai điều thì đọc.
 - Hạ Huyệt: Tụng Kinh Hạ Huyệt và chú Vãng Sanh 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán.

Tang lễ của chư Đạo Hữu sa ngã, và những người Ngoại Đạo muốn Cầu Siêu theo Lễ Đạo.

- Nghi tiết hành lễ
- Trật tự đưa đám

(Thi hành theo Tân Kinh)

1. Về việc Cầu Siêu, nếu gần Thánh Thất thì Cầu Siêu nơi Thánh Thất.
2. Nếu ở xa Thánh Thất, thì thiết lễ Cầu Siêu nơi tư gia của Chức Sắc hoặc Chức Việc gần đó.
3. Nếu người trong thân quyến chịu nhập môn, thì dễ hơn. Chức Sắc cứ đến thượng Tượng cho nhập môn, rồi thiết lễ tang sự luôn.

Sơ Giải: Hành lễ Bạt Tiến, không làm phép xác, tụng Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái), không tụng bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi), tụng Di Lạc Chơn Kinh.

A) Nghi tiết hành lễ

1. Hấp hối: Tụng bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (Rắp nhập cảnh)

2. Thượng sớ Tân cô: Tại tư gia, nếu có nhập môn.

3. Tẩn liệm: Tụng bài Kinh Tẩn Liệm (Dây oan nghiệt)

4. Thành phục: Lễ cầu nguyện Đức Chí Tôn, Cáo Từ Tổ, thành phục phát tang, lễ Tế điện cúng vong thường. Nếu có thân bằng cố hữu tế lễ, thì làm lễ châm chước, Đồng nhi đọc Ai chúc.

5. Cầu siêu: Tụng bài Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái) tụng 3 lần, niệm chú Chí Tôn 3 lần. Tụng Di Lạc Chơn Kinh.

6. Lễ an táng: Hành lễ châm chước, tụng Kinh Cầu Siêu, khiển điện, di Linh cứu ra thuyền Bát Nhã, đi đến Báo Ân Từ, thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu. Đến Đền Thánh, cũng thỉnh Linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn, trở ra đưa đi an táng.

B) Trật tự đưa đám

1. Bểng Đại Đạo.
 2. Phướn Thượng Sanh.
 3. Bàn vong.
 4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh, có đờn.
 5. Thuyền Bát Nhã chở Linh cứu.
 6. Tang quyến.
 7. Chúc Việc, Đạo hữu Nam Nữ.
- Hạ Huyệt: Tụng Kinh Hạ Huyệt và Vãng Sanh 3 lần, khi dứt niệm chú Chí Tôn 3 lần.
 - Giải tán.

CHÚ GIẢI

- Tang lễ Chức Sắc Thiên Phong & Chức Việc & Đạo hữu qui liễu trong những ngày đã đưa Chư Thánh
- Lễ Bái Chí Tôn, Thần, Thánh, Tiên, Phật và Vong Phàm
- Bái Liên Đài, Lễ Kỷ Niệm các vị Đại Thiên Phong

Tang lễ Chức Sắc Thiên Phong & Chức Việc Đạo hữu qui liễu trong những ngày đã đưa Chư Thánh

Sau ngày lễ đưa Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật Triều Thiên (từ ngày 23 đến 30 tháng Chạp) nếu có:

Chức Sắc Đại Thiên Phong từ phẩm Đầu Sư và các phẩm tương đương trở lên

Chức Sắc Đại Thiên Phong từ phẩm Đầu Sư và các phẩm tương đương trở lên qui thiên, thì được cử hành tang lễ tại Biệt Điện trong vòng (3) ngày (không di Liên Đài vào Báo Ân Từ, Đền Thánh, cũng như ra Cửu Trùng Thiên).

Nghi thức hành lễ

1. **Thượng sớ Tân cổ:** Chức Sắc Cửu Trùng Đài tại Giáo Tổng Đường; Hiệp Thiên Đài và Phước Thiện tại Hộ Pháp Đường.
2. **Lễ Thành phục:** Phát tang (có lập nghi Tổ Tông).
3. **Lễ Tế Điện, Cầu Siêu, Nhập Bửu Tháp:** Đều được đọc kinh như thường lệ.

Chức Sắc Thiên Phong từ phẩm Chánh Phối Sư đổ xuống Giáo Hữu

Chức Sắc Thiên Phong từ phẩm Chánh Phối Sư đổ xuống Giáo Hữu và các phẩm tương đương qui vị, thì

hành lễ tế điện tại tư gia, không di Linh cữu vô Báo Ân Từ và Đền Thánh, không chèo hầu, chỉ được chèo đưa. (Nếu không có tư gia thì hành lễ tại Khách Đình).

Phẩm Lễ Sanh và các phẩm tương đương

Phẩm Lễ Sanh và các phẩm tương đương, Chức Việc và Đạo hữu qui liễu, thì hành lễ cúng tế tại tư gia. (Nếu vị nào không có tư gia thì hành lễ tại Khách Đình).

Các cuộc lễ Tế điện, Cầu siêu, Hành pháp độ thẳng, an táng, đều được đọc kinh như thường lệ.

Lễ Bái Chí Tôn, Thần, Thánh, Tiên, Phật và Vong Phàm

Người Đạo Cao Đài hễ khi lạy thì tay chấp bắt ấn Tý. Lạy Thần, Thánh, Tiên, Phật hay vong phàm tay cũng đều bắt ấn Tý.

- Lạy Chí Tôn 12 lạy, lấy dấu Phật, Pháp, Tăng (3 lạy, mỗi lạy 4 gật).
- Lạy Phật, Tiên 9 lạy, không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).
- Lạy Thánh, Thần 3 lạy suông (không có gật).
- Lạy Vong Phàm 4 lạy (2 lạy quì, 2 lạy đứng).
- Lạy người sống 2 lạy (lạy đứng).

Bái Liên Đài, Lễ Kỷ Niệm các vị Đại Thiên Phong

Bái Liên Đài tại tiên cũng như bái Linh vị Đại Thiên Phong lúc làm Lễ Kỷ Niệm hàng năm: Tay bắt ấn Tý, lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm Thánh Danh vị Đại Thiên Phong.

Nghi Lễ Cúng Tế

- Nghi lễ cúng tế Chúc Sắc qui liễu hàng Tiên Vị.
 - Nghi lễ cúng tế theo hàng Thánh Vị.
 - Nghi lễ cúng tế theo hàng Thần Vị.
 - Nghi lễ cúng tế theo hàng vong thường.
 - Nghi lễ châm chước phụ tế.
-

Nghi lễ cúng tế

Chúc Sắc qui liễu hàng Tiên Vị

1. Tang chủ tỵ vị

Nhạc xây đờn bài Hạ, tang chủ sắp vô nghi.

2. Nghệ hương án tiền

Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.

3. Giai quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì, tang chủ đồng quì, rồi dứt.

4. Phần hương

Nhạc đánh trống thét và đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.

5. Điện hương

Nhạc vô đờn Đảo Ngũ Cung, Lễ Sĩ đi thảo, Đồng nhi thài.

6. Quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì.

7. Thượng hương

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.

8. Cúc cung bái

Nhạc đánh rập ban (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

9. Cung hiến Tiên hoa

Nhạc xây đờn bài Hạ, Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.

10. Quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì, rồi dứt.

11. **Chỉnh Tiên hoa**

Nhạc đánh thét rồi đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.

12. **Điện Tiên hoa**

Nhạc vô đờn Xuân châu bốn lá, Lễ Sĩ điện, Đồng nhi thái tới Nội Nghi.

13. **Quì**

Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì.

14. **Thượng Tiên hoa**

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.

15. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

16. **Cung hiến Tiên tử**

(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa vậy).

17. **Quì**

18. **Chước tử**

19. **Điện Tiên tử**

20. **Quì**

21. **Thượng Tiên tử**

22. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

23. **Ai chúc**

Nhạc vô đờn Xuân Nữ, Đồng nhi đọc kinh.

24. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

25. **Cung hiến Tiên trà**

(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa và Tửu vậy).

26. **Quì**

27. **Điểm trà**

28. **Điện Tiên trà**

29. **Quì**

30. **Thượng Tiên trà**

31. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

32. **Hưng bình thân**

33. **Tang chủ dĩ hạ giai xuất**

34. **Lễ thành**

Nhạc đổ một hồi rồi thét, Lễ Sĩ lên bái Tiên Vị.

Nghi lễ cúng tế theo hàng Thánh Vị

1. Tang chủ tỵ vị

Nhạc xây đờn bài Hạ, tang chủ sắp vô nghi.

2. Nghệ hương án tiền

Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.

3. Giai quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì, tang chủ đồng quì, rồi dứt.

4. Phần hương

Nhạc đánh trống thét và đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.

5. Điện hương

Nhạc vô đờn Đảo Ngũ Cung, Lễ Sĩ đi thảo, Đồng nhi thài.

6. Quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì.

7. Thượng hương

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.

8. Cúc cung bái

Nhạc đánh rập ban (3 lạy trọn).

9. Cung hiến hoa

Nhạc xây đờn bài Hạ, Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.

10. Quì

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì.

11. Chỉnh hoa

Nhạc đánh thét và đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.

12. Điện hoa

Nhạc đờn Xuân châu bốn lá, Lễ Sĩ điện, Đồng nhi thài.

13. Quì

Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì.

14. Thượng hoa

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.

15. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy trọn).

16. **Cung hiến tửu**

(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa vậy).

17. **Quì**

18. **Chước tửu**

19. **Điện Tiên tửu**

20. **Quì**

21. **Thượng Tiên tửu**

22. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy trọn).

23. **Âi chúc**

Nhạc vô đờn Xuân Nữ, Đồng nhi đọc kinh.

24. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy trọn).

25. **Cung hiến Tiên trà**

(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa và Tửu vậy).

26. **Quì**

27. **Điểm trà**

28. **Điện Tiên trà**

29. **Quì**

30. **Thượng Tiên trà**

31. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh rập ban (3 lạy trọn).

32. **Hưng bình thân**

33. **Tang chủ dĩ hạ giai xuất**

34. **Lễ thành**

Nhạc đồ một hồi rồi thét, Lễ Sĩ lên bái Thánh Vị

Nghi lễ cúng tế theo hàng Thần Vị

1. **Tang chủ tỵ vị**
Nhạc xây đờn bài Hạ, tang chủ sắp vô nghi.
2. **Nghệ hương án tiền**
Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.
3. **Giai quì**
Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì, tang chủ đồng quì, rồi dứt.
4. **Phản hương**
Nhạc đánh thét và đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.
5. **Điện hương**
Nhạc đờn Xuân Nữ, Lễ Sĩ đi thảo, Đồng nghi thài.
6. **Quì**
Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì.
7. **Thượng hương**
Nhạc đồ, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.
8. **Cúc cung bái**
Nhạc đánh lớp tư. (3 lạy trọn).
9. **Hiển hoa quả**
Nhạc xây đờn bài Hạ, Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.
10. **Quì**
Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì, rồi dứt.
11. **Chỉnh hoa quả**
Nhạc đánh trống thét và đồ, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.
12. **Điện hoa quả**
Nhạc vô đờn Nam Ai, Lễ Sĩ điện, Đồng nghi thài tới Nội Nghi.
13. **Quì**
Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì.
14. **Thượng hoa quả**
Nhạc đồ, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.
15. **Cúc cung bái**
Nhạc đánh lớp tư. (3 lạy trọn).

16. **Cung hiến tửu**
(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa vậy).
17. **Quì**
18. **Chước tửu**
19. **Điện Tiên tửu**
20. **Quì**
21. **Thượng Tiên tửu**
22. **Cúc cung bái**
Nhạc đánh lớp tư. (3 lạy trọn).
23. **Ai chúc**
Nhạc vô đờn Xuân Nữ, Đồng nhi đợc kinh.
24. **Cúc cung bái**
Nhạc đánh lớp tư. (3 lạy trọn).
25. **Hiển trà**
(Nhạc cũng hành y như tuần Hoa và Tửu vậy).
26. **Quì**
27. **Điểm trà**
28. **Điện Tiên trà**
29. **Quì**
30. **Thượng Tiên trà**
31. **Cúc cung bái**
Nhạc đánh lớp tư. (3 lạy trọn).
32. **Hưng bình thân**
33. **Tang chủ dĩ hạ giai xuất**
34. **Lễ thành**
Nhạc đánh thét, Lễ Sĩ lên bái Thần vị.

Nghi lễ cúng tế hàng vong thường

1. **Tang chủ tựu vị**
2. **Nghệ hương án tiền**
3. **Giai quì**
4. **Phân hương**
5. **Điện hương**

Nhạc xây đờn Xuân Nữ, Lễ Sĩ đi thảo, Đồng nhi thài.
6. **Quì**

Nhạc đồ Lễ Sĩ quì, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.
7. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh lớp tư, Tang chủ lạy (bốn (4) lạy).
8. **Tiến soạn**

Nhạc xây đờn bài Hạ, Lễ Sĩ đi thảo, dâng cơm.
9. **Quì**

Nhạc đồ Lễ Sĩ quì dâng cơm cho Tang chủ, nhạc nhịp thúc Lễ Sĩ đi xuống.
10. **Sơ hiến lễ**

Nhạc xây đờn bài Hạ.
11. **Nghệ tửu tôn sở**

Lễ Sĩ sắp vô nghi ngoại.
12. **Quì**

Nhạc đồ Lễ Sĩ quì, rồi dứt.
13. **Chước tửu**

Nhạc đánh thét, chước tửu rồi đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, rồi dứt.
14. **Điện Tiên tửu**

Nhạc vô đờn Nam Ai, châu bốn lá, Lễ Sĩ điện, Đồng nhi Thài,
Nhạc trở qua đờn Xuân Nữ, Lễ Sĩ sang tuần Lưỡng Nghi. Khi Lễ Sĩ sang rồi,
Nhạc trở lại đờn Nam Ai, Lễ Sĩ điện lên tới Bàn Linh, Đồng nhi vẫn còn Thài như thường.

15. **Quì**

Nhạc đồ trống, Lễ Sĩ quì dâng rượu cho Tang chủ, rồi đồ trống, Lễ Sĩ đứng lên, nhịp thúc Lễ Sĩ xuống.

16. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh lớp tư, Tang chủ lạy hai (2) lạy trơn.

17. **Á hiến lễ**

18. **Nghệ tửu tôn sớ**

19. **Quì**

20. **Châm tửu**

21. **Điện tửu**

(Nhạc cũng hành y như tuần Sơ, Lễ Sĩ sang tuần Tứ Tượng, Đồng nghi thài tuần Trung).

22. **Quì**

23. **Cúc cung bái**

24. **Ái chúc**

Nhạc đờn Xuân Nữ, Đồng nghi đọc kinh.

25. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh lớp tư, Tang chủ lạy hai (2) lạy trơn.

26. **Chung hiến lễ**

27. **Nghệ tửu tôn sớ**

28. **Quì**

29. **Chước tửu**

(Nhạc cũng hành y như tuần Sơ và tuần Á vậ).

30. **Điện tửu**

Lễ Sĩ sang tuần Bát Quái, Đồng nghi thài tuần Chung.

31. **Quì**

32. **Cúc cung bái**

33. **Điện Tiên trà**

Nhạc xây đờn bài Hạ, Lễ Sĩ sắp vô nghi Ngoại.

34. **Quì**

Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì rồi dứt.

35. **Điểm trà**

Đánh thét, châm trà rồi đồ, Lễ Sĩ đứng lên rồi dứt.

36. **Điện trà**

Đờn Xuân Nữ, nhạc đồ, Lễ Sĩ đi thảo, Đờn nhi
thài.

37. **Quì**

Nhạc đồ, Lễ Sĩ quì, dâng trà rồi, đồ, Lễ Sĩ đứng
lên, nhịp thúc, Lễ Sĩ xuống.

38. **Cúc cung bái**

Nhạc đánh lớp tư (bốn (4) lạy trọn).

39. **Hưng bình thân**

Nhạc đánh thét, Tang chủ đứng dậy.

40. **Tang chủ dĩ hạ giai xuất**

Nhạc đánh thét, Tang chủ xá, bước ra.

41. **Lễ thành**

Nhạc đánh thét, Lễ Sĩ lên bái vong.

Nghi lễ châm chước phụ tế

1. **Tế chủ tự vị**
2. **Giai quì**
3. **Phân hương**
4. **Nguyện hương**
5. **Thượng hương**
6. **Cúc cung bái** (Bốn (4) lạy)
7. **Chước tửu**
8. **Cúc cung bái** (Hai (2) lạy)
9. **Chước tửu**
10. **Cúc cung bái** (Hai (2) lạy)
11. **Ái chúc Đồng nhi đọc kinh**
12. **Cúc cung bái** (.....)
13. **Chước tửu**
14. **Cúc cung bái** (Hai (2) lạy)
15. **Điểm trà**
16. **Cúc cung bái** (Bốn (4) lạy)
17. **Hưng bình thân**
18. **Tế chủ dĩ hạ giai xuất**
19. **Lễ thành**

Bài Thài Hiến Lễ

- Bài thài hiến lễ các bậc Tiền Bối
 - Đức Quyền Giáo Tông
 - Đức Hộ Pháp
 - Đức Cao Thượng Phẩm
 - Đức Cao Thượng Sanh
 - Bài thài chung: Lễ Kỷ Niệm Thời Quân Hiệp Thiên Đài
 - Bài thài chung: Lễ Kỷ Niệm Đầu Sư Cứu Trùng Đài
 - Bài thài hiến lễ hàng Thánh.
 - Bài thài hiến lễ hàng Thiên Thần.
 - Bài thài hiến lễ hàng vong thường.
-

Bài thài hiến lễ các bậc Tiền Bối

Đức Quyền Giáo Tông

Càn Khôn quen thú, phước Linh Tiêu,
Thấy khổ trần gian, nghịch Thánh điều.
Mượn xác phàm, rêu cây Phát Chủ,
Nương cơ tạo, xử phước tiêu diêu.
Bầu linh khổ hải, đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhọn sanh, chống đất diu.
Muôn dặm cửa Tiên, chờ bước tục,
Cối lau trở gót, rượt trăm chiều.

Đức Hộ Pháp

Trót đã ba năm, ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phúc vui tươi. (*1)
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm, thừa chống chỏi,
Buồn nhìn cõi Đạo, luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn Pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.

(#1) Nơi quyển *Quan Hôn Tang Lễ* ghi là:

Đem thân đổi lấy **phúc** vui tươi.

Một số tài liệu khác ghi là:

Đem thân đổi lấy **phút** vui tươi.

Đức Cao Thượng Phẩm

Ngánh lại mà đau cảnh đoạn trường,
Cối Thiên mừng đặng dứt dây oan.
Nợ trần đã phủi, lòng son sắt,
Ngôi vị nay vinh, nghĩa đá vàng.
Cối tám chơn thành, lòà nhứt nguyệt,
Phơi gan chí sĩ, nhuộm giang san.

Bốn mươi hai tuổi, sanh chưa phỉ,
Đề mắt xanh coi, nước khải hoàn.

Đức Cao Thượng Sanh

Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thổ tẩm Trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm roi bạc Thánh Hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ,
Đức ân dụng phép tạo nhơn duyên.
Những mong huệ trạch Trên nhuần gội,
Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyên.

Bài thài chung Lễ Kỷ Niệm Thời Quân Hiệp Thiên Đài

Tướng soái Thời Quân đã đạt thành,
Công trình lập Đạo sử nêu danh.
Ngàn năm để tiếng đời ca tụng,
Không hổ mặt mày với kiếp sanh.

Bài thài chung Lễ Kỷ Niệm Đầu Sư Cứu Trùng Đài

Tu thân giáo hóa chinh đời thanh,
Đồng chúc lê dân hưởng phước lành.
Cối tục cầu an kinh tụng niệm,
Lời truyền nguyện thấu đến cao xanh.
Mưa nhuần gió thuận Nghiêu Thang tịnh,
Nắng tốt tuyết hòa Thuấn Võ thanh.
Đồng hưởng đời đời câu thịnh trị,
Tiêu điều khoái lạc chí hùng anh.

Bài thài hiến lễ hàng Thánh

Tuần Hương

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền,
Trầm đoàn khói tỏa năm mây,
Mùi hương phưởng phát thơm bay ngút trời.

Tuần Hoa

Thoàn mây thuận gió cánh buồm trương,
Phàm Thánh chia phôi cảnh đoạn trường.
Hoa quả tinh vi xin hiến lễ,
Thề lòng thành kính tỏ tình thương.

Tuần Tửu

Thoát trần roi dẫu tiếng anh phong,
Sớm tối riêng vui cảnh bá tông.
Kẻ ở người đi dòng lệ đổ,
Tửu quýnh kính hiến nghĩa đồng song.

Tuần Trà

Đạo Đồi vện phạm đắc Thiên ân,
Lưu để Thánh danh chốn mộ phần.
Đầu vọng bái anh linh chứng hưởng,
Trà hương tạm biệt khách dương trần.

Bài thài hiến lễ hàng Thiên Thần

Tuần Hương

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền,
Trăm đoàn khói tỏa năm mây,
Mùi hương phưởng phát thơm bay ngút trời.

Tuần Hoa

Thoàn mây thuận gió cánh buồm trương,
Sanh tử chia phù cảnh đoạn trường.
Hoa quả tình vi xin hiến lễ,
Thề lòng thành kính tỏ tình thương.

Tuần Tửu

Thoát trần rơi dấu tiếng anh phong,
Sớm tối riêng vui cảnh bá tông.
Kê ở người đi dòng lệ đổ,
Tửu quỳnh kính hiến nghĩa đồng song.

Tuần Trà

Đạo Đồi vện phận đắc Thiên ân,
Lưu để Thánh danh chốn mộ phần.
Đầu vọng bái anh linh chứng hưởng,
Trà hương tạm biệt khách dương trần.

Bài thái hiến lễ hàng vong thường

Tuần Hương

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền,
Trầm đoàn khói tỏa năm mây,
Mùi hương phưởng phát thơm bay ngút trời.

Tuần Sơ

Hiến tuần sơ, hề hiến tuần sơ,
Vân ám đánh hồ, long viễn tỵu,
Nguyệt minh huê liễu, hạc qui trì.
Cồn dâu hóa bễ, bễ hóa cồn dâu,
Cơ tạo biến dôi, người vật đổi,
Sanh ly tử biệt, mạng nơi Trời.

Tuần Trung

Hiến tuần trung, hề hiến tuần trung,
.....(1) nghĩa mặn nồng,
Ân thâm càng nhớ lụy khôn ngừng.
Nhặt nguyệt đôi vùng soi nhắc bóng,
Hỡi ôi! Chiều thấu thâm nơi lòng.

Tuần Chung

Hiến tuần chung, hề hiến tuần chung,
Dặm cũ khách đà xa khổ não,
Nay (2) hiu quạnh chốn trần gian.
Tiếng dế reo đêm sâu thất dạ,
Nguồn sông lệ chảy, ruột trăm chiều.
Oanh khóc năm canh, chiu chít bạn,
Ủ ê cảnh cũ vẫn vợ tình.

Tuần Trà

Đơn tiện xin dâng một tác thành,
Cõi Thiên khẩn vái có anh linh.

Mãnh lòng tha thiết ai ôi thấu,
Ngó liễu trông mây để tượng hình.

Lưu ý:

Bài Tuần Trung câu thứ hai:

.....(1) Nếu:

Con tế Cha Mẹ, thì thài

"**Cẩn muối trêu cơm** nghĩa mặn nồng".

Chồng tế vợ, thì thài

"**Tình ái cùng nhau** nghĩa mặn nồng".

Vợ tế chồng, thì thài

"**Tình ái cùng nhau** nghĩa mặn nồng".

Em tế Anh Chị ruột, thì thài

"**Huyết mạch đồng môn** nghĩa mặn nồng".

Anh Em kết nghĩa, thì thài

"**Huynh đệ cùng nhau** nghĩa mặn nồng".

Bài Tuần Chung câu thứ ba:

Nay(2) Nếu:

Con tế Cha Mẹ, thì thài

"Nay **Con** hiu quạnh chốn trần gian"

Chồng tế Vợ, thì thài

"Nay **Anh** hiu quạnh chốn trần gian"

Vợ tế Chồng, thì thài

"Nay **Em** hiu quạnh chốn trần gian"

Em tế Anh Chị, thì thài

"Nay **Em** hiu quạnh chốn trần gian"

Tân Liệm (*)

- Cách Tân Liệm (Lúc chết)
 - Cách trị quan
 - Tân Liệm
-

1. Cách Tân Liệm (Lúc chết)

Khi người đã tắt hơi, thân nhân dùng nước thơm (nước nấu với các lá thơm) hay là nước hoa (nước nóng có pha dầu thơm) để lau rửa sạch sẽ, rồi thay đổi quần áo tươm tất, sửa nằm ngay thẳng, chơn mang vớ, tay bọc bao tay (lấy vải may hai cái túi để bọc hai bàn tay). Trên mặt đắp một tấm vải trắng hình tam giác, bề đứng độ 0m33, góc nhọn để trên.

2. Cách trị quan

Dùng cháo nếp trộn với bột gạch (đâm cho nhuyễn) nhồi cho kỹ, hoặc dùng vôi bột trộn với dầu phộng, cũng trộn cho kỹ, trét mấy kẽ hở, mấy đường ván ráp, nhứt là 4 góc quan tài, làm cho kỹ đừng cho hở, khỏi sợ hơi.

3. Tân Liệm

Cách thức liệm có Tiểu Liệm và Đại Liệm. Tiểu Liệm là vải bọc thi thể bên trong, Đại Liệm là vải bọc bên ngoài.

Tiểu Liệm: Có một đoạn dây tung, bề ngang nửa khổ vải, bề dài 4m80. Có một cái khâm, hai khổ vải may kế lại, bề dài 4m10. Có 3 đoạn dây Hoàn, bề dài mỗi đoạn 2m40. Dây Hoàn phải xé hai, từ đầu vò 0m40 để buộc.

Đại Liệm: Có một đoạn dây Tung, bề ngang nửa khổ vải, dài 4m80. Một cái Khâm hai khổ vải may kết lại,

bề dài 4m40. Có 5 sợi dây hoành, bề ngang 1/3 khổ vải, bề dài 4m10. Dây Tung, dây Hoành để y (không xé đầu), để phòng buộc cho chắc. Người hành sự phải ghi nhớ từng khoản, khi buộc phải nhớ lòn cái mối để xuôi xuống, bắt đầu từ trên buộc xuôi xuống dưới chơn.

Đồ liệm chuẩn bị các món sau này cho đủ như là: 1 cái gói đầu, 2 tấm áp nhĩ (áp hai bên lỗ tai) 2 cây trượng vắn bằng giấy súc, bề dài từ vai xuống tới đầu gối, nhiều kèn vắn bằng giấy súc.

Trước khi để đồ liệm vô quan tài, phải nhớ đặt 5 sợi dây Hoành Đại Liệm trước nhứt, phân từ trên xuống dưới cho đều khoản, mỗi sợi phải đặt mực trung tim đừng cho xê dịch. Đặt 5 sợi dây Hoành, rồi trải sợi dây Tung Đại Liệm, cứ giữ mực trung tim. Xong, trải cái Khâm Đại Liệm, vắn giữ mực trung tim. Đồ Đại Liệm trải xong trong quan tài.

Bây giờ trải đồ Tiểu Liệm: Trải 3 sợi dây Hoành của Tiểu Liệm, cũng phân cho đều khoản, từ trên xuống dưới, kể trải sợi dây Tung của Tiểu Liệm, rồi tiếp trải Khâm Tiểu Liệm.

Đồ Đại Liệm và Tiểu Liệm trải xong, đặt vào quan tài 2 cây trượng, một cái gói đầu, 2 tấm áp nhĩ. Chỗ nào trống thì vắn kèn bổ khuyết.

Khi khởi sự liệm, nâng đỡ xác thân lên, để trên các món đồ liệm, sửa tay chân cho ngay thẳng, để kèn vào ép cho chặt. Đắp mí Khâm bên tả qua trước, đắp mí Khâm bên hữu qua sau, phủ mí dưới chân lên trước, phủ mí trên đầu xuống sau. Dây Tung cũng vậy, mí dưới phủ trước, mí trên phủ sau. Nhớ khi buộc sợi dây bên tả choàng trên, sợi dây bên hữu choàng dưới, 2 sợi dây choàng nhau hai bận rồi gút lại, nhớ để cái mối xuôi xuống, bắt từ trên đầu buộc xuống dưới chân. Hễ Tiểu Liệm buộc rồi, thì kể Đại Liệm cũng buộc y vậy. Ngoài các sắc vải liệm, bọc thêm lớp mũ (nylon) bên ngoài cho thật kín càng tốt.

Sự Tẩn Liệm là do ý trân trọng quý báu thi hài của người mất, còn bao tay hay là chân mang vớ, là để xương vụn vật như cốt xương tay hay cốt xương chơn khỏi bị rời đi mất.

Sau khi đập nắp, và sơn gấn kỹ càng, đắp một tấm phủ quan có hình Thiên Nhân tùy theo sắc phái, để giá đèn lên, thắp đèn cây cho sáng (Nam phái bảy (7) ngọn, chín (9) ngọn cho Nữ phái). Dưới Linh cữu có thắp một ngọn đèn để ngay chính giữa, kêu là đèn khử trược lưu thanh. Đèn này thắp, nên dùng dầu phụng tốt hơn.

Việc tẩn liệm nên bỏ tục lệ coi giờ kiên tuổi. Điều cần nhứt nên nhớ là đến giờ liệm, rờ kỹ ngực người chết xem còn nóng hay không. Nếu còn chút hơi ấm, phải đình chỉ ngay.

Sự tẩn liệm đã chỉ bày như trên, nghĩa là theo cách thức phải làm như vậy. Nhà dư ăn dư để chẳng nói làm chi, đến như những nhà bần hàn cơ cực, kể hành sự sáng suốt, biết biến chế, bỏ cái này thay cái kia, giấy vải dùng thứ nhẹ tiền, dùng một lớp vải Tiểu Liệm đủ rồi, không cần phải thêm lớp vải Đại Liệm làm chi. Điều cần nhứt là việc làm phải kỹ càng, thi hài được bao bọc an toàn kín đáo. Cây trượng và kèn dùng rơm làm nong, ngoài bao giấy, để bớt tốn kém.

Nhà có tang nên thận trọng, phải giữ cho được yên tịnh. Người nhà không được cãi vã nhau lớn tiếng, nói cười vui vẻ, đùa giỡn, làm mất nét ai bi. Không nên bày tiệc tùng đãi đằng rần rộ. Có khách đến chia buồn, thì người nhà ân cần tiếp rước, khách về thì đưa, nhớ tỏ lời cảm ơn.

Phần khách cũng phải giữ lễ, mình đương ở trong nhà người có tang, nhớ đến câu "Thổ tử hồ bi", tỏ lòng đau xót cho nhau.

Lễ cất táng cử hành càng sớm càng hay, không nên quán Linh cữu tại nhà lâu ngày. Bỏ tục lệ coi ngày và kiên tuổi. Cũng không cần có thầy Địa lý xây mộ.

Phụ chú:

(*) Cách Tẩn Liệm như đã trình bày ở trên, có thể chỉ áp dụng ở Việt Nam.

Tang

- Thọ tang
 - Cách thức để tang
 - Cách chế tang phục
-

Thọ tang

Phàm người mất, thì quyền thuộc phải để tang, để ghi dấu đau thương với người mất. Tùy thân sơ, mà chia ra kỳ để tang lâu mau khác nhau.

Có năm (5) bậc để tang gọi là "Ngũ Phục":

1. Tang 3 năm (Trăm thôi, Tư thôi).
2. Tang 1 năm (Cơ niên).
3. Tang 9 tháng (Đại công).
4. Tang 5 tháng (Tiểu công).
5. Tang 3 tháng (Tư ma).

Trăm thôi, nghĩa là áo tang bỏ xử xuống, không lên tròn quần, xổ lai, không khâu bằng phẳng.

Tư thôi, nghĩa là áo tang có lên tròn, khâu bằng phẳng, quần cũng lên lai bằng phẳng.

Lệ thường, ngoài Đờì có tang 3 năm, kỳ thực là 24 tháng chẵn, tức là 2 năm và tang 1 năm là 12 tháng. Ít nghe có tang 9 tháng, 5 tháng và 3 tháng.

Trong Đạo, theo Tân Kinh, mãn tuần Cửu cửu tức là 81 ngày. Từ đó, đến 200 ngày là tới tuần Tiểu Tường, tính ra là 281 ngày. Từ Tiểu Tường, đến 300 ngày là tới tuần Đại Tường, là mãn Đại tang.

Đại Tường - Tiểu Tường

Chữ Tường nghĩa là lành, là kiết. Trong nhà có tang, cả nhà mang sự thương xót, đau buồn, tưởng đến người quá cố. Thời gian qua xoa dịu nỗi đau thương, cái buồn bớt lần lần, đem lại cái vui như điềm lành, điềm tốt trở lại. Vì vậy, mà Tiểu Tường cũng có nghĩa là Tiểu

Kiết Tường; Đại Tường cũng có nghĩa là Đại Kiết Tường.

Cách thức để tang

1. Tang Cha Mẹ ruột

a) Về phần con Trai:

- Con thọ tang Cha, dùng Trăm thoi và Gậy trước (tre), đến Đại Tường là mãn.
- Thọ tang Mẹ, dùng Trăm thoi và Gậy dong (cây dong đồng) đến Đại Tường là mãn.

b) Về phần con Gái:

- Con gái xuất giá thọ tang Cha Mẹ, dùng Tư thoi, đến Tiểu Tường là mãn.
- Con gái tại gia (chưa xuất giá), dùng Trăm thoi, đến Đại Tường là mãn.

2. Đồng cư kế phụ

- Hai bên kế phụ và mình ở chung, tang 1 năm, đến Tiểu Tường là mãn.
- Trước có ở chung, sau không ở chung, tang 3 tháng, đến tuần Chung Cửu là mãn.

3. Bất đồng cư kế phụ

- Trước sau không ở chung, không thọ tang.

4. Giá mẫu

- Người Mẹ sau khi Cha mình mất, lại tái giá, tang 1 năm đến Tiểu Tường là mãn.

5. Xuất mẫu

- Người Mẹ mà Cha mình thoi đi, tang 1 năm đến Tiểu Tường là mãn.
- Như người Mẹ không tái giá, tang Tư thoi 2 năm, đến Đại Tường là mãn.

6. Kế mẫu

- Mẹ mình mất, Cha lấy bà kế mẫu, tang 1 năm đến Tiểu Tường là mãn.

7. Từ mẫu

- Mẹ mình mất sớm, mình còn bé, cha mình giao cho bà Mẹ kế nuôi mình lớn khôn, gọi là Từ Mẫu, tang Tư thôi 2 năm đến Đại Tường là mãn.

8. Bác, Chú, Cô

- Đồng tang 1 năm, đến Tiểu Tường là mãn. Như Cô xuất giá, tang 3 tháng đến tuần Chung Cửu là mãn.

9. Cậu, Dì

- Đồng tang 3 tháng, đến tuần Chung Cửu là mãn.

10. Ông Cố, Bà Cố

- Tang 3 tháng, đến tuần Chung Cửu là mãn.

11. Ông Nội, Bà Nội

- Tang Tư thôi, đến Đại Tường là mãn.
- *Cháu đích tôn thừa trọng, thay thế cho Cha, chịu tang Ông Nội, Bà Nội, Trăm thôi, đến Đại Tường là mãn.*

12. Ông Ngoại, Bà Ngoại

- Tang đến Tiểu Tường là mãn.

13. Tang Vợ Chồng

- Chồng thọ tang cho vợ, đến Đại Tường là mãn. Mãn tang mới được lấy vợ.
- Vợ thọ tang cho chồng, đến Đại Tường là mãn. Mãn tang mới được tái giá.

14. Anh Chị ruột

- Em để tang đến Tiểu Tường là mãn.

15. Anh Chị chung Mẹ khác Cha

- Em để tang 3 tháng, đến tuần Chung Cửu là mãn.

16. Tang bên chồng

- Nàng dâu thọ tang Cha Mẹ chồng, Tư thôi, đến Đại Tường là mãn.

17. Ông Nội, Bà Nội của chồng

- Tang đến Tiểu Tường là mãn.

18. Tang bên vợ

- Chàng Rể thọ tang Cha Mẹ vợ, đến Tiểu Tường là mãn.

19. Tang người thân tộc

- Vì ân nghĩa Thầy Trò, vì tình bạn, Trò để tang cho Thầy, bạn để tang cho bạn, tùy ý, không hạn thời gian là bao lâu.
- Vì đại ân, kẻ thọ ân để tang cho người thi ân không hạn kỳ.
- Vì đại nghĩa, những kẻ anh hùng liệt sĩ, lập công vĩ đại, có ích cho nhân quần xã hội, cho Đạo, cho Đời, dân cảm mến để tang không hạn kỳ.
- Công sanh thành, ân dưỡng dục, ví tợ biển rộng trời cao. Còn ai thương mình cho bằng Cha Mẹ? Còn ai nghĩa trọng tình thâm? Đến lúc lia trần, cùng mình vĩnh biệt ngàn năm, không bao giờ trông mong gặp lại. Phận làm con phải có tấm lòng xót thương Cha Mẹ và nhớ tiếc. Tang lễ phải hết lòng thành kính, sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn.

Cách chế tang phục

Thọ tang Cha Mẹ, may áo cổ trịch như áo lễ, không lên tròn. Ở phía sau lưng, trên vai may kèm 1 tấm vải phụ bản, tổ dẫu mang sự đau xót trên lưng. Còn may quần thì sổ lại, không khâu bằng phẳng.

Tang Cha, con trai chống gậy trước (tre); tang Mẹ, chống gậy dong.

Cây gậy trước, nghĩa là Cha có tiết tháo bên ngoài, và là tiết tháo ngay chính. Cây gậy dong, có nghĩa là Mẹ có tiết hạnh bên trong, và đầy lòng từ ái. Gậy dài ngắn không chừng, tùy người cao thấp, nhưng mà phải từ dưới đất lên đến yếm tâm, có nghĩa là chủ tâm ai bi.

Cách thức chế dây rơm mũ bạc: Mũ bạc hay là Bức cân, dùng vải to xếp làm ba (3) lần, hướng về bên hữu. Ba lần xếp, tượng trưng Tam Cang, là ba giềng trọng trong đạo Nhơn luân.

Cùng trong một lễ ấy, sợi dây rơm buộc ngang lưng cũng phải đánh đậu 3 tao.

Con gái có chồng, mặc áo chẹt, quần lên lai.

Con gái chưa chồng, và con dâu mặc áo rộng, quần xổ lai.

Con Rể và các cháu thành niên, thì bịt khăn trắng. Các cháu nhỏ bé, thì đội mũn.

Cháu đích tôn thừa trọng

Nếu người con Trưởng Nam chết trước Cha, Mẹ mà có sanh con Trai để lại, thì khi Ông Bà Nội chết, đưa con Trai của người con ấy (Trưởng Nam) phải thay Cha mình mà chống gậy tang để báo hiếu Ông Bà, gọi là cháu đích tôn thừa trọng. Tang phục cũng như con Trai vậy.

Xe tang

- Thuyền Bát Nhã
 - Long Mã
 - Tẩm Phủ Quan
-

Thuyền Bát Nhã

Trong Đạo, việc cất táng dùng xe tang bằng một chiếc Thuyền trở hình con Rồng, gọi là Thuyền Bát Nhã. Từ Tín Đồ đến Chức Sắc thầy đều dùng được. Duy có màu sắc tẩm Diềm treo trên Thuyền Bát Nhã, và tẩm vải Phủ Quan để phân biệt.

1. Tín Đồ, Đạo Hữu, Đạo Sở và Chức Việc phụ đi Thuyền Bát Nhã, treo Diềm và Phủ Quan màu Đen.
2. Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự và các phẩm tương đương (Nam Phái), đi Diềm và Phủ Quan màu Đỏ.
3. Chức Sắc Cửu Trùng Đài (Nam Phái), treo Diềm và Phủ Quan theo Sắc Phái.
4. Chức Sắc, Chức Việc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài (Nữ Phái), treo Diềm và Phủ Quan màu Trắng.
5. Chức Sắc, Chức Việc Phước Thiện Nam Nữ, treo Diềm và Phủ Quan theo Sắc Phái.
6. Chức Sắc Bộ Nhạc, treo Diềm và Phủ Quan màu Đỏ.

Long Mã

Đầu Sư, Tiên Tử, Thập Nhị Thời Quân đồ lên, kỵ Long Mã, không đi Thuyền Bát Nhã.

Tám Phủ Quan

Tám Phủ Quan bằng vải, vuông vức 1m20. Bốn bề viền ren, chính giữa may Thiên Nhân, có ánh hào quang tia ra.

Ủy Ban Hỗ Trợ Tu Chính Quan Hôn Tang Lễ

Tuân hành theo Quyết Nghị của Hội Thánh Lưỡng Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện trong phiên nhóm ngày mùng 9 tháng 2 năm Canh Tuất (ĐL 16-3-1970), thành lập Ủy Ban Hỗ Trợ Tu Chính Quan Hôn Tang Lễ.

Ủy Ban Hỗ Trợ gồm có:

Hiệp Thiên Đài

- | | |
|----------------------------|------------|
| ● Thời Quân Hiến Đạo | Trưởng Ban |
| ● Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi | Hội Viên |
| ● Giám Đạo Nguyễn Văn Kiệt | Hội Viên |

Cửu Trùng Đài

- | | |
|---------------------------|----------|
| ● Giáo Sư Ngọc Đỉnh Thanh | Hội Viên |
| ● Giáo Hữu Thái Sơn Thanh | Hội Viên |
| ● Lễ Sanh Thái Vũ Thanh | Hội Viên |

Phước Thiện

- | | |
|---------------------------|----------|
| ● Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai | Hội Viên |
| ● Chơn Nhơn Trần Văn Lợi | Hội Viên |
| ● Chí Thiện Lê Văn Ninh | Hội Viên |

Bộ Nhạc

- | | |
|----------------------------|----------|
| ● Nhạc Sư Lê Ngọc Hội | Hội Viên |
| ● Hành Thiện Văn Phước Đức | Từ Hàn |

Quyển Quan Hôn Tang Lễ **Do các Quyết Nghị Hội Thánh Luỡng Đài**

1. Vi Bằng số 6/VB ngày 29 tháng Giêng, mùng 4 và mùng 6 tháng 2 Nhâm Tý (Dl. 14, 18 và 20.3.1972).
2. Vi Bằng số 3/VB ngày mùng 7 tháng 11 Nhâm Tý (Dl .12.12.1972).
3. Vi Bằng số 11/VB ngày mùng 8 và mùng 9 tháng 5 Ất Mão (Dl. 17 và 18.6.1975)
4. Vi Bằng số 17/VB ngày mùng 4 tháng 9 Ất Mão (Dl. 8.10.1975).
5. Vi Bằng số 1/VB ngày mùng 7 tháng 11 Ất Mão (Dl. 9.12.1975).

Chung Quyết

Hiệp Thiên Đài

- Thời Quân Hiến Pháp
- Thời Quân Bảo Đạo
- Thời Quân Hiến Đạo
- Thời Quân Khai Đạo
- Chương Ân Nguyễn Văn Hợi
- Cải Trạng Huỳnh Hữu Lợi
- Cải Trạng Nguyễn Văn Kiệt

Cửu Trùng Đài

- Thái Đầu Sư
- Thượng Đầu Sư
- Ngọc Đầu Sư
- Quyền Thái Chánh Phối Sư

- Quyền Thượng Chánh Phối Sư
- Quyền Ngọc Chánh Phối Sư
- Quyền Nữ Chánh Phối Sư

Phước Thiện

- Chương Quản Phước Thiện Nam Phái
- Chương Quản Phước Thiện Nữ Phái

Từ Hàn

Giáo Sư

Thừa Sứ

Giáo Sư

Nguyễn Hương Trụ

Lê Minh Khuyên

Thượng Tám Thanh

QUAN HÔN TANG LỄ

Ấn bản năm Bính Thìn (1976).

In tại BẠCH VÂN Ấn Quán -

Cơ Quan Phát Thanh nội ô TÒA THÁNH Tây Ninh.

Hội Thánh Giữ Bản Quyền.
